**TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6**

**PHẦN VĂN BẢN**

**----🙜🕮🙞----**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Tên tác giả** | **Thể loại** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| 1 | Bài học đường đời đầu tiên | Tô Hoài | Truyện | Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình. | - PTBĐ: tự sự + miêu tả.  - Ngôi kể thứ nhất.  - Xây dựng hình tượng Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ.  - Lời văn: giàu hình ảnh, cảm xúc. |
| 2 | Sông nước Cà Mau | Đoàn Giỏi | Truyện ngắn | Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú, độc đáo ở vùng đất tận cùng phía Nam Tổ quốc. | - PTBĐ: miêu tả + thuyết minh.  - Ngôi kể thứ nhất.  - Miêu tả từ bao quát đến cụ thể.  - Từ ngữ gợi hình. |
| 3 | Bức tranh của em gái tôi | Tạ Duy Anh | Truyện ngắn | Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. | - PTBĐ: tự sự + miêu tả.  - Ngôi kể thứ nhất.  - Miêu tả tinh tế diễn biến tâm lí nhân vật. |
| 4 | Vượt thác | Võ Quảng | Truyện | Bài văn miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ. | - Nghệ thuật so sánh, nhân hóa.  - Trí tưởng tượng phong phú, tài tình.  - Tả cảnh, tả người từ điểm nhìn trên con thuyền theo hành trình vượt thác rất tự nhiên, sinh động. |
| 5 | Buổi học cuối cùng | An-phông-xơ Đô-đê | Truyện | Qua câu chuyện “Buổi học cuối cùng” bằng tiếng Pháp ở vùng An-dát bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh cảm động của thầy Ha-men, truyện đã thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lí: “Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù…” | - Ngôi kể thứ nhất.  - Miêu tả nhân vật qua ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng.  - Ngôn ngữ tự nhiên, giọng kể chân thành, xúc động. |
| 6 | Đêm nay Bác không ngủ | Minh Huệ | Thơ | Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch, bài thơ đã thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân,tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ. | - PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.  - Thể thơ năm chữ.  - Lời thơ giản dị, tự nhiên, chân thành. |
| 7 | Lượm | Tố Hữu | Thơ | Bài thơ khắc họa hình ảnh chú bé liên lạc Lượm hồn nhiên, vui tươi, hăng hái, dũng cảm. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của em còn mãi với quê hương, đất nước và trong lòng mọi người. | - PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.  - Thể thơ bốn chữ.  - Sử dụng từ láy có giá trị gợi hình và giàu âm điệu. |
| 8 | Cô Tô | Nguyễn Tuân | Kí | Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô. | - Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo.  - Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc.  - Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,… |
| 9 | Cây tre  Việt Nam | Thép Mới | Kí | Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. | - Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng  - Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa  - Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu |

**PHẦN TIẾNG VIỆT**

**----🙜🕮🙞----**

**1. Phó từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khái niệm** | **Phân loại** |
| Phó từ là những *từ chuyên đi kèm* với *động từ, tính từ*, để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ. | - Phó từ *đứng trước* động từ, tính từ:  + Quan hệ thời gian *(đã, sẽ, còn, đang).*  *+* Mức độ *(rất, quá, hơi)*.  + Sự tiếp diễn tương tự *(cũng, vẫn, còn).*  *+* Sự phủ định *(không, chưa, chẳng)*.  + Sự cầu khiến *(hãy, đừng, chớ)*.  - Phó từ *đứng sau* động từ, tính từ:  + Mức độ *(quá, lắm)*.  + Khả năng *(được*).  + Kết quả và hướng *(ra, vào, rồi*). |

**2. Các biện pháp tu từ (BPTT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Khái niệm** | **Phân loại** |
| 1 | So sánh | So sánh là *đối chiếu* sự vật này với sự vật khác *có nét tương đồng* để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | - So sánh ngang bằng  - So sánh không ngang bằng |
| 2 | Nhân hóa | Nhân hóa là *gọi*hoặc *tả* con vật, cây cối, đồ vật… bằng những *từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả* con người; làm cho con vật, cây cối… trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người. | - Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.  - Dùng những từ chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.  - Trò chuyện, xưng hô với vật như với người. |
| 3 | Ẩn dụ | Ẩn dụ là *gọi tên* sự vật, hiện tượng này *bằng tên* sự vật khác *có nét tương đồng* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt | - Ẩn dụ hình thức  - Ẩn dụ cách thức  - Ẩn dụ phẩm chất  - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác |
| 4 | Hoán dụ | Hoán dụ là *gọi tên* sự vật, hiện tượng, khái niệm này *bằng tên* của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có *quan hệ gần gũi với nó* nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | - Lấy bộ phận để gọi toàn thể  - Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng  - Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật  - Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng |

**3. Các thành phần chính của câu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Dấu hiệu nhận biết** | |
| **Chính** | Chủ ngữ (CN): thường đứng trước vị ngữ, nêu tên chủ thể được miêu tả ở vị ngữ. | Trả lời cho câu hỏi:   - *Ai?*   - *Cái gì?*  - *Con gì?* |
| Vị ngữ (VN): thường đứng sau chủ ngữ, nêu đặc trưng của chủ thể nói ở chủ ngữ. | Trả lời cho câu hỏi:   - *Làm gì?*  - *Làm sao?* - *Như thế nào?* - *Là gì?* |
| **Phụ** | Trạng ngữ (TN): thường đứng đầu câu | Nêu không gian, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích,… diễn ra sự việc nói đến trong câu. |

VD: Hôm nay, trời / mưa.  
 TN CN VN

**4. Câu**

**Câu trần thuật đơn**

Câu trần thuật đơn có từ “là”

Câu trần thuật đơn không có từ “là”

**“Là”**

**+**

DT (CDT)  
ĐT (CĐT)  
TT (CTT)

ĐT (CĐT)  
TT (CTT)

**Vị ngữ do:**

**PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**----🙜🕮🙞----**

**1. Dàn bài chung của văn tả cảnh và văn tả người:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Dàn bài chung về văn tả cảnh** | **Dàn bài chung về văn tả người** |
| **1. Mở bài** | Giới thiệu cảnh được tả: Cảnh gì? Ở đâu? Lý do tiếp xúc với cảnh? Ấn tượng chung? | Giới thiệu người định tả: Tả ai? Người được tả có quan hệ gì với em? Ấn tượng chung? |
| **2. Thân bài** | **a. Tả bao quát:** Vị trí? Chiều cao hoặc diện tích? Hướng của cảnh? Cảnh vật xung quanh?  **b. Tả chi tiết:** (Tùy từng cảnh mà tả cho phù hợp)  - Từ bên ngoài vào (từ xa): Vị trí quan sát ? Những cảnh nổi bật ? Từ ngữ, hình ảnh gợi tả?...  - Đi vào bên trong (gần hơn): Vị trí quan sát? Những cảnh nổi bật ? Từ ngữ, hình ảnh gợi tả?...  - Cảnh chính hoặc cảnh quen thuộc mà em thường thấy (rất gần): Cảnh nổi bật? Từ ngữ hình ảnh miêu tả... | **a. Ngoại hình:** Tuổi tác? Tầm vóc? Dáng người? Khuôn mặt? Mái tóc? Mắt? Mũi? Miệng? Làn da? Trang phục ?...(Từ ngữ, hình ảnh miêu tả)  **b. Tả chi tiết:** (Tùy từng người mà tả cho phù hợp).  - Nghề nghiệp, việc làm (Cảnh vật làm việc + những động tác, việc làm...). Nếu là học sinh, em bé: Học, chơi đùa, nói năng...(Từ ngữ, hình ảnh miêu tả).  - Sở thích, sự đam mê: Cảnh vật, thao tác, cử chỉ, hành động...(Từ ngữ, hình ảnh miêu tả)  - Tính tình: Tình yêu thương với những người xung quanh: Biểu hiện? Lời nói? Cử chỉ? Hành động? (Từ ngữ, hình ảnh miêu tả) |
| **3. Kết bài** | Cảm nghĩ chung sau khi tiếp xúc: Tình cảm riêng hoặc nguyện vọng của bản thân?... | Tình cảm chung về người em đã tả? Yêu thích, tự hào, ước nguyện?... |
| **Chú ý** | Dù là tả cảnh hay tả người, bất cứ một đề nào, các em cũng phải nhớ lập dàn bài phù hợp. Phải làm bài, viết bài đàng hoàng, tuyệt đối không được làm sơ sài, lộn xộn. | |

**2. Thực hành:**

**ĐỀ 1:** Em hãy viết bài văn tả một người thân yêu và gần gũi nhất với mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em…).

**Lập dàn ý tả mẹ**

**1. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về mẹ của em.

- Dẫn thơ hoặc ca bài, bài hát nói về mẹ: “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào”,…

- Trong cuộc đời này, không ai yêu thương, quan tâm, chăm sóc và lo lắng cho mình bằng mẹ.

- Với em, mẹ là người quan trọng nhất, người em yêu quý và kính trọng nhất.

**2. Thân bài**

**a. Tả ngoại hình (đoạn 1)**

- Mẹ tầm bao nhiêu tuổi?

- Dáng người của mẹ như thế nào?

- Dáng đi của mẹ như thế nào?

- Tả khuôn mặt của mẹ: mắt, mũi, miệng, vầng trán.

- Làn da, mái tóc của mẹ như thế nào?

- Mẹ thường mặc những trang phục gì?

**b. Tả chi tiết (đoạn 2)**

- Nghề nghiệp của mẹ:

+ Mẹ em làm nghề gì?

+ Tả các động tác của mẹ khi: đang làm việc, nấu cơm, làm việc nhà,…

- Mẹ em có những sở thích gì?

- Tính tình của mẹ như thế nào?

- Tả những kỉ niệm giữa mẹ và em.

**3. Kết bài:** Nêu suy nghĩ, tình cảm của em đối với mẹ.

- Em yêu mẹ như thế nào?

- Em hứa với mẹ sẽ trở thành người như thế nào để không phụ lòng yêu thương của mẹ?

**ĐỀ 2:** Em hãy viết bài văn tả lại quang cảnh sân trường vào giờ ra chơi .

**Lập dàn ý**

**1. Mở bài:** Giới thiệu giờ ra chơi của trường em đang học.

Trong cuộc đời mỗi chúng ta, ai cũng đều trải qua thời cắp sách đến trường. Quãng thời gian đó mang lại cho ta biết bao cảm xúc khác nhau. Nhưng dù bạn học bất kì trường nào thì bạn cũng đã từng trải qua những giây phút thư thái và thoải mái của giờ ra chơi. Đó thời gian chúng ta có thể làm rất nhiều điều với bạn bè, thầy cô và mái trường thân yêu của chúng ta.

**2. Thân bài:**

**a. Tả bao quát (đoạn 1)**

- Sân trường tấp nập người.

- Tiếng ồn vang khắp nơi.

- Ai cũng vui vẻ chơi cùng các bạn của mình.

**b. Tả chi tiết (đoạn 2)**

- Tả người giờ ra chơi:

+ Chuông báo hiệu giờ ra chơi vang lên, các bạn chạy ùa ra sân trường.

+ Các bạn chơi các trò chơi khác nhau: người thì chơi đá cầu, người thì bịt mắt bắt dê, người thì nhảy dây,…

+ Những ai không thích chơi thì ngồi ghế đá trò chuyện với bạn bè,…

+ Có những bạn lên thư viện đọc sách.

+ Âm thanh lúc này hỗn độn, ồn ào, không phân biệt được giọng của ai.

- Tả cảnh giờ ra chơi:

+ Cây cối đong đưa theo gió, thổi những cơn gió mát lành khiến giờ ra chơi thêm phấn khởi.

+ Ánh nắng vàng ươm rọi xuống mặt sân.

+ Chim kêu rả rích.

+ Cả sân trường náo nhiệt, vui vẻ.

- Tả cảnh sân trường sau giờ ra chơi:

+ Chuông báo hiệu kết thúc giờ ra chơi vang lên: Reng…reng…

+ Các bạn chạy ùa vào lớp của mình.

+ Sân trường yên ắng không một bóng người.

+ Chỉ nghe những tiếng giảng bài của thầy cô giáo sau giờ ra chơi.

**3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về trường về giờ ra chơi.

- Em rất thích giờ ra chơi.

- Giờ ra chơi giúp em bớt căng thẳng, mệt mỏi sau giờ học.

**ĐỀ 3:** Em hãy viết bài văn miêu tả hàng phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè.

**Lập dàn ý**

**1. Mở bài:** Giới thiệu cây phượng vào mùa hè và tiếng ve.

Đối với mỗi học sinh thì những chùm phượng vĩ và tiếng ve có ý nghĩa rất lớn, đó là sự báo hiệu cho mùa hè đã đến, cho sự hi vọng và vui chơi. Em rất thích những chùm phượng vĩ mùa hè và những tiếng ve râm rang vào ngày hè.

**2. Thân bài:**

**a. Tả bao quát cây phượng vĩ và tiếng ve (đoạn 1).**

- Hoa phượng vĩ có màu đỏ.

- Cây phượng vĩ cao khoảng ba đến năm mét.

- Tiếng ve thì kêu râm rang suốt cả ngày.

**b. Tả chi tiết cây phượng vĩ mùa hè và tiếng ve (đoạn 2).**

- Tả chi tiết cây phượng vĩ:

+ Trong năm, cây phượng vĩ ra hoa duy nhất một lần vào mùa hè.

+ Thân cây phượng vĩ cao và có rất nhiều nhánh.

+ Tán lá cây phượng vĩ rất rộng.

+ Cành lá phượng vĩ rất nhiều.

+ Lá phượng vĩ nhỏ và mỏng như lá me, mọc so le nhau.

+ Gốc phượng vĩ to, rễ cây nổi lên mặt đất.

+ Hoa phượng có thể ép vào tập thành những chú bướm xinh xinh.

- Tả chi tiết tiếng ve:

+ Tiếng ve báo hiệu cho mùa hè đến.

+ Tiếng ve kêu râm rang, có nhiều lúc lại kêu rất to.

+ Tiếng ve kêu suốt ngày.

**c. Mối quan hệ giữa cây phượng vĩ và tiếng ve**

- Đều là sự tượng trưng cho mùa hè.

- Đều gắn với bao thế hệ học trò.

**3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về cây phượng vĩ mùa hè và tiếng ve.

Em rất yêu cây phượng vĩ mùa hè và tiếng ve. Đây là những hình ảnh gắn bó biết bao kỉ niệm học trò của em.